**NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BIỂN ĐẢO TRONG NGÀNH GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM**

Nguyễn Hoàng Sơn[[1]](#footnote-1), Lê Phúc Chi Lăng2, Trần Ngọc Bảy3

*1Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin, Đại học Huế*

*2Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế; 3Trường THPT Hương Thủy, Thừa Thiên Huế*

**Tóm tắt:** Giáo dục, tuyên truyền về tài nguyên, môi trường biển, đảo và các quyền, lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông là một trong những nội dung trọng yếu của giáo dục biển, đảo trong nhà trường.Kết quả điều tra, khảo sát bước đầu về hoạt động giáo dục nội dung này ở các bậc học trong nhà trường, cho thấy: Mức độ hiệu quả của việc giáo dục phụ thuộc rất nhiều vào các vấn đề sau: (i) Nội dung giáo dục phát triển qua các bậc học theo nguyên tắc đồng tâm; (ii) Sự phối hợp để xác định nội dung giáo dục giữa các môn học trong nhà trường để tránh trùng lặp, thiếu thống nhất, gây nhàm chán cho người học; (iii) Kỹ năng sư phạm trong tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên, cán bộ quản lý; (iv) Khả năng huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường; (v) Khả năng thực hiện giáo dục ở mọi nơi: nhà trường - gia đình - xã hội.

***Từ khóa:*** *Giáo dục biển, đảo; môi trường biển; lợi ích; quyền hạn; Biển Đông*

**Abstract**

**ENHANCING EFFICIENCY OF ISLAND MARINE EDUCATIONAL ACTIVITIES IN EDUCATION SECTOR IN VIETNAM**

Nguyen Hoang Son1, Lê Phúc Chi Lăng2, Trần Ngọc Bảy3

*1Open Education and Information Technology, Hue University*

*2University of Education, Hue University*

*3Huong Thuy High School, Thua Thien Hue province*

Educating and disseminating resources and environment of the sea and islands as well as Vietnam's rights in the East Vietnam Sea is one of the most important contents of marine education in schools. Initial surveys on this content education activity at schools at all levels show that: The effectiveness of education depends heavily on the following issues: (i) The content of education develops through educational levels on the principle of concentricity; (ii) Coordination to determine educational content among school subjects to avoid duplication, inconsistency, and boredom for learners; (iii) Pedagogical skills in organizing educational activities of teachers and managers; (iv) Ability to mobilize the participation of mass organizations in schools; (v) The ability to implement education in every school - family - society.

***Keywords:*** *Sea and island education; Marine environment; benefit; power; East Sea*

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Biển, đảo là một bộ phận cấu thành phạm vi chủ quyền của quốc gia. Theo Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km², gấp 3 lần diện tích đất liền, chiếm gần 30% diện tích Biển Đông. Vùng biển, ven biển và hải đảo có vị trí hết sức quan trọng cả về kinh tế, chính trị và an ninh - quốc phòng của nước ta. Khai thác, sử dụng, quản lý các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và từ lâu đã được Đảng, Nhà nước, nhân dân quan tâm nhằm bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, tăng cường an ninh quốc phòng.

Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, đường lối để khai thác và bảo vệ biển đảo - Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 09 tháng 02 năm 2007 “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” đã đề ra các mục tiêu và những giải pháp chiến lược nhằm nhanh chóng đưa nước ta trở thành một nước mạnh về biển và đã được cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 27/2007/NĐ-CP [2]. Trên cơ sở nghị quyết, Thủ tướng Chính phủ số: 373/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2010 đã phê duyệt đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam” với các nội dung chủ yếu [4]: (1). Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, hải đảo; (2). Nâng cao nhận thức cộng đồng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên (TN) và bảo vệ môi trường (MT) vùng ven biển, hải đảo; (3). Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; (4). Xây dựng, quảng bá thương hiệu Biển Việt Nam; (5). Nâng cao nhận thức về vị thế quốc gia biển và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, hải đảo. Vì vậy, việc thực hiện và đẩy mạnh giáo dục biển đảo được xem là nhiệm vụ mang tính chiến lược cần được thực hiện thường xuyên. Thực hiện Quyết định 373/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo đã ban hành Quyết định số 1461/QĐ - BGDĐT về việc giao nhiệm vụ “Xây dựng và thực hiện Đề án tăng cường công tác giáo dục về TN và MT biển hải đảo vào chương trình giáo dục các cấp học và các chương trình đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân 2010 - 2015” [1]. Từ năm 2010 đến nay Bộ GD - ĐT đã chỉ đạo các Vụ bậc học, trường Đại học và Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam nghiên cứu triển khai tập huấn cho giáo viên về tài nguyên và môi trường biển đảo để giảng dạy trong nhà trường phổ thông ngay từ cấp tiểu học. Năm học 2011 - 2012 đã tổ chức tập huấn về các nội dung: Biển Đông và vùng biển nước ta; Tài nguyên thiên nhiên biển, đảo đa dạng phong phú; Bảo vệ môi trường biển, đảo. Năm học 2012 - 2013 Bộ GD-ĐT đã chỉ đạo các trường tổ chức các hoạt động giáo dục về nội dung bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; Giáo dục về TN và MT biển đảo theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐT. Trong Công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo Số: 4791/BGDĐT-GDQP Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2012 đã hướng dẫn các sở giáo dục và đào tạo; các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; các trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh (GDQP-AN), sinh viên thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN năm học 2012 - 2013, đã yêu cầu và hướng dẫn chi tiết như:

- Đối với các sở giáo dục và đào tạo: Chỉ đạo các trường cập nhật kiến thức biển, đảo trong Tài liệu tập huấn “Biển, đại dương và chủ quyền biển, đảo Việt Nam”, vào bài giảng “Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia” thuộc lớp 11. Mở rộng giáo dục chính khóa và tuyên truyền ngoại khóa cho học sinh về tiềm năng biển, đảo và nhiệm vụ của các thế hệ công dân Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo; đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Đối với các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng; các trung tâm GDQP-AN sinh viên: Yêu cầu các trường ĐH, CĐ, cập nhật kiến thức “Biển, đại dương và chủ quyền biển, đảo Việt Nam” vào bài giảng “Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia” trong giáo trình GDQP-AN, tập 1...

Trong **Hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2018 - 2019 về công tác pháp chế do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Công văn 4073/BGĐT-PC) đã nhấn mạnh “**Tập trung tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến biển, đảo; chú trọng tập huấn bồi dưỡng hoặc lồng ghép nội dung cập nhật kiến thức, phổ biến văn bản pháp luật về biển, đảo bằng hình thức phù hợp đối với giáo viên giảng dạy các môn Lịch sử, Địa lý, GDQP và AN trong các trường THCS, THPT, trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm, đại học; giảng viên giảng dạy môn giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trung tâm GDQP-AN, ở các khoa, tổ bộ môn trong các cơ sở giáo dục tự chủ môn GDQP và AN”…

Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo con người đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, trong thời gian qua ngành giáo dục đã thực hiện nhiều chương trình, biện pháp nhằm giáo dục biển, đảo trong đó có nội dung giáo dục, tuyên truyền về TN, MT biển đảo và các quyền lợi ích của Việt Nam vào các cấp học và các loại hình đào tạo khác. Việc lượng hóa mức độ hiệu quả của hoạt động giáo dục này được đặt ra nhằm cung cấp cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp mang tính khả thi bảo đảm được các yêu cầu: liên tục, phát triển, chất lượng trong giáo dục biển, đảo nói chung.

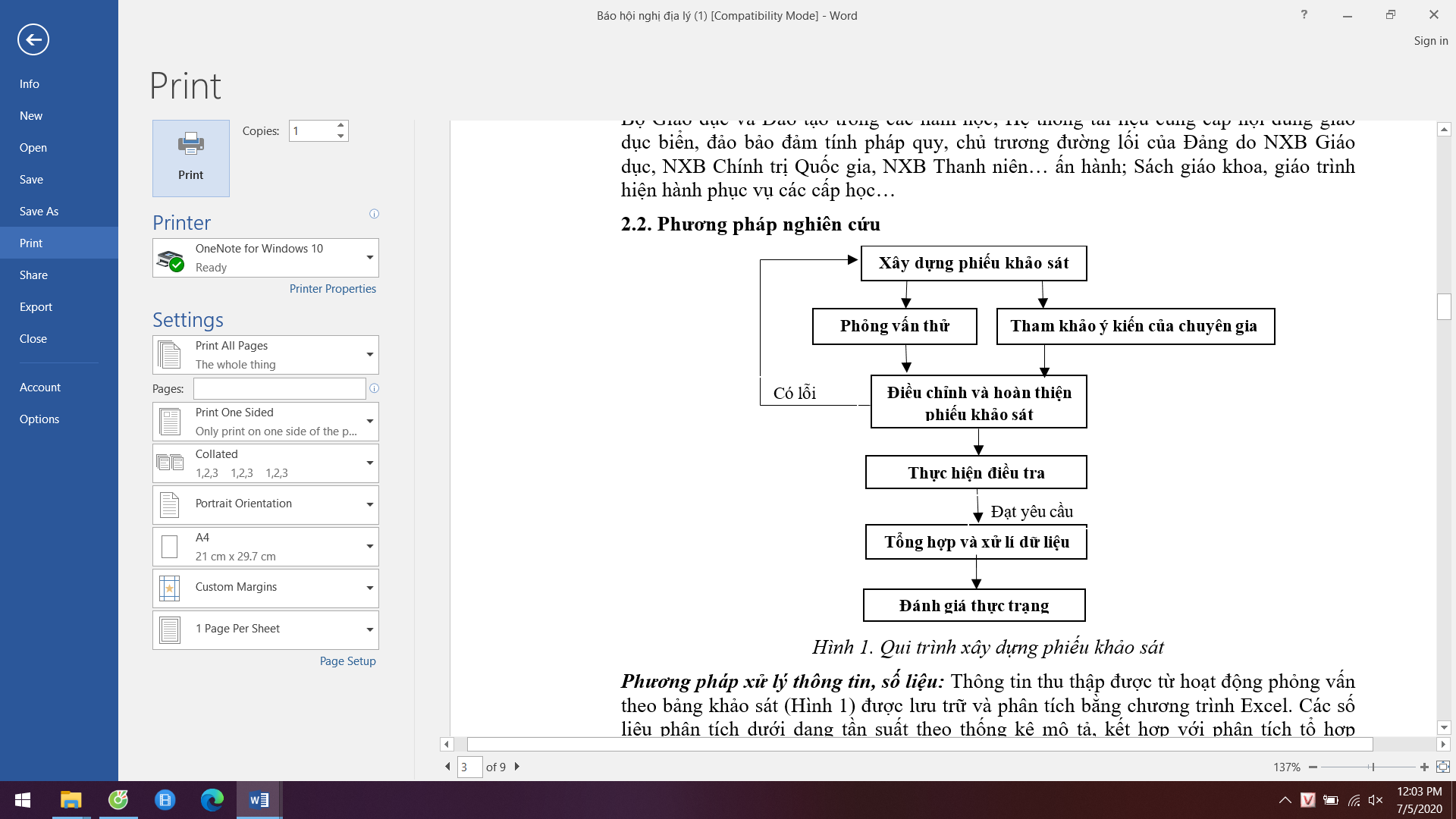
**2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Dữ liệu nghiên cứu**

Dữ liệu sơ cấp từ thu thập, điều tra - khảo sát giáo viên và học sinh trong cả nước gồm 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tham khảo thông qua hệ thống online). Trong đó chọn 7 tỉnh để khảo sát, điều tra trực tiếp, bao gồm: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định và Bến Tre.

Dữ liệu thứ cấp: Các văn bản, Nghị quyết của Đảng, Nhà Nước chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục biển, đảo; Các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục biển, đảo của Bộ **Giáo dục và Đào tạo trong các năm học; Hệ thống tài liệu cung cấp nội dung giáo dục biển, đảo bảo đảm tính pháp quy, chủ trương đường lối của Đảng do NXB Giáo dục, NXB Chính trị Quốc gia, NXB Thanh niên… ấn hành; Sách giáo khoa, giáo trình hiện hành phục vụ các cấp học…**

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

***Phương pháp xử lý thông tin, số liệu:*** Thông tin thu thập được từ hoạt động phỏng vấn theo bảng khảo sát (hình 1) được lưu trữ và phân tích bằng chương trình Excel. Các số liệu phân tích dưới dạng tần suất theo thống kê mô tả, kết hợp với phân tích tổ hợp nhóm chéo (crosstab) để xem xét mối quan hệ giữa khảo sát mức độ nhận thức và thái độ đối với các yếu tố đặc trưng về giới tính, độ tuổi, học vấn, nghề nghiệp…

Các số liệu định lượng thu thập được từ phương pháp phỏng vấn cấu trúc và phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc được xử lý bằng công cụ xử lý thống kê Data Analysis của MS Excel. Các số liệu thống kê sẽ được thể hiện thành bảng, biểu đồ, đồ thị và được phân tích chi tiết trong kết quả nghiên cứu theo từng địa bàn (7 tỉnh) và theo từng đối tượng nghiên cứu.

Số liệu định tính được xử lý bằng phần mềm SPSS version 20. Các thông tin định tính thu thập được từ kỹ thuật phỏng vấn sâu và phương pháp thu thập số liệu thứ cấp sẽ được xử lý dưới dạng trích lời dẫn, trích nguyên đoạn văn... để phân tích, lý giải vấn đề.

***Phương pháp khảo sát thực tế trực tiếp*** thông qua dự giờ, tham gia một số hoạt động ngoại khoá ở một số trường đại học, cao đẳng và phổ thông để thu thập, đối chiếu, phân tích hiệu quả giữa các hình thức hoạt động giáo dục, tuyên truyền về TN, MT biển, đảo và quyền, lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông.

***Phương pháp đánh giá*** ***bán định lượng***, dựa trên các kết quả khảo sát thực tế, online và được tiến hành theo quy trình và kỹ thuật như sau:

Sử dụng 13 mẫu phiếu khảo sát dành cho 13 nhóm đối tượng khảo sát là cán bộ quản lí, giảng viên/giáo viên và sinh viên/học sinh ở các bậc học với số lượng cỡ mẫu điều tra được tính toán dựa theo công thức chọn mẫu của Slovin (Estela, 1995) [3]:

Trong đó: n: là cỡ mẫu; N: là tổng số đối tượng được khảo sát; e: là sai số cho phép (Ở đây, lựa chọn độ tin cậy là 90%, vì vậy e = 10%)

Số lượng điều tra và khảo sát trực tiếp cụ thể ở bảng 1.

*Bảng 1. Đối tượng và số lượng khảo sát trực tiếp*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa phương**  **Đối tượng** | **Hà**  **Tĩnh** | **Quảng**  **Bình** | **Quảng**  **Trị** | **Thừa Thiên Huế** | **Quảng**  **Nam** | **Bình**  **Định** | **Bến**  **Tre** |
| **I** | **Cao đẳng - Đại học** | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ quản lý | 5 | 5 | 5 | 10 | 5 | 5 | 5 |
| 2 | Giảng viên | 69 | 66 | 27 | 96 | 77 | 86 | 71 |
| 3 | Sinh viên | 97 | 98 | 67 | 100 | 98 | 99 | 97 |
| **II** | **Trung học phổ thông** | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ quản lý | 56 | 45 | 45 | 53 | 60 | 60 | 50 |
| 2 | Giáo viên | 97 | 94 | 95 | 96 | 95 | 96 | 95 |
| 3 | Học sinh | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| **III** | **Trung học cơ sở** | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ quản lý | 81 | 82 | 77 | 78 | 86 | 81 | 80 |
| 2 | Giáo viên | 98 | 97 | 96 | 98 | 98 | 98 | 98 |
| 3 | Học sinh | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| **IV** | **Tiểu học** | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ quản lý | 89 | 86 | 82 | 87 | 89 | 88 | 85 |
| 2 | Giáo viên | 98 | 98 | 97 | 98 | 99 | 98 | 98 |
| **V** | **Mầm non** | | | | | | | |
| 1 | Cán bộ quản lý | 85 | 78 | 77 | 81 | 84 | 81 | 78 |
| 2 | Giáo viên | 98 | 97 | 96 | 97 | 98 | 97 | 95 |

Nội dung phiếu khảo sát tập trung vào các vấn đề sau: (i) Quan điểm về giáo dục, tuyên truyền về TN, MT biển, đảo và các quyền, lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông; (ii) Nhận thức về Biển Đông, TN, MT biển, đảo, chủ quyền Việt Nam ở Biển Đông; (iii) Thực trạng giáo dục, tuyên truyền về TN, MT biển, đảo và các quyền, lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông ở nhà trường các bậc học; (iv) Các phương tiện, điều kiện hỗ trợ cho giáo dục, tuyên truyền biển đảo; (v) Nguyện vọng của giáo viên, học sinh, cán bộ quản lí… liên quan đến giáo dục tuyên truyền về biển đảo.

Bộ câu hỏi chính, đa số được thiết kế ở dạng câu hỏi cấu trúc đóng, có 4 mức độ lựa chọn trả lời, tương ứng với 4 mức độ (từ “phản đối” cho đến “hoàn toàn đồng ý” hay từ “chưa bao giờ” cho đến “thường xuyên” hay từ “không có” cho đến “rất thuận lợi”)… Điểm số của các mức độ lựa chọn trong mỗi câu hỏi thay đổi từ 1 đến 4 và điểm mỗi câu cho mỗi đối tượng là điểm trung bình cộng của số người chọn phương án i nhân với số điểm tương ứng của phương án i.

*Trong đó:*

n: Số điểm trung bình của câu hỏi

X1, X2, X3, X4: Số người chọn phương án có số điểm lần lượt là 4, 3, 2, 1

Từ phân tích dữ liệu tiến hành xếp loại mức độ đạt được các vấn đề cơ bản trong hoạt động giáo dục, tuyên truyền về TN, MT biển, đảo và các quyền, lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông ở các địa bàn, trường học có tiến hành điều tra khảo sát. Đây là một trong những căn cứ cho các nhận định về hiệu quả giáo dục biển, đảo hiện nay trong ngành giáo dục.

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

Phân tích đánh giá dữ liệu thu thập từ khảo sát điều tra (bảng 2), so sánh với mục tiêu yêu cầu trong công tác giáo dục, tuyên truyền về TN, MT biển, đảo và các quyền, lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông trong ngành giáo dục Việt Nam đã làm rõ một số vấn đề cần quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục như sau:

\* Về nhận thức công tác giáo dục biển, đảo

Toàn ngành đều ý thức được tầm quan trọng của việc giáo dục, tuyên truyền vềTN, MT biển, đảo, các quyền và lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông là nhiệm vụ đặc biệt, vừa lâu dài, phức tạp, vừa mang tính cấp bách của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, có ý nghĩa quan trọng đối với chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước. Do đó, toàn ngành đều nỗ lực hoạt động giáo dục biển, đảo.

*Bảng 2. Mức độ đạt được về công tác giáo dục, tuyên truyền tài nguyên, môi trường biển đảo, quyền và lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông trong ngành giáo dục ở một số địa bàn khảo sát*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp bậc học** | **Đối tượng**  **khảo sát** | **Nhóm câu hỏi** | | | | | | | | | |
| **Quan điểm về giáo dục, tuyên truyền TN, MT, chủ quyền Việt Nam ở Biển Đông** | | **Nhận thức về Biển Đông, TN, MT, chủ quyền Việt Nam ở Biển Đông** | | **Thực hiện giáo dục, tuyên truyền về Biển Đông tại trường** | | **Các phương tiện và điều kiện hỗ trợ cho giáo dục, tuyên truyền biển đảo** | | **Nguyện vọng của giáo viên liên quan đến biển đảo** | |
| (1) | | (2) | | (3) | | (4) | | (5) | |
| *Điểm TB* | *Mức độ* | *Điểm TB* | *Mức độ* | *Điểm TB* | *Mức độ* | *Điểm TB* | *Mức độ* | *Điểm TB* | *Mức độ* |
| **Đại học, cao đẳng** | CBQL | 3,19 | B | 3,71 | A | 3,26 | B | 2,87 | C | 3,8 | A |
| GV | 3,16 | B | 3,32 | B | 2,92 | C | 2,98 | C | 3,78 | A |
| SV | 2,93 | C | 2,89 | C | 2,34 | D | 2,54 | D | 3,69 | A |
| **THPT, TTGDTX** | CBQL | 3,06 | B | 3,72 | A | 3,22 | B | 2,94 | C | 3,59 | A |
| GV | 3,17 | B | 3,33 | B | 2,89 | C | 2,54 | D | 3,71 | A |
| HS | 2,95 | C | 2,84 | C | 2,38 | D | 2,59 | D | 3,67 | A |
| **THCS** | CBQL | 3,18 | B | 3,58 | A | 2,85 | C | 2,93 | C | 3,69 | A |
| GV | 3,19 | B | 3,32 | B | 2,57 | D | 2,6 | D | 3,54 | A |
| HS | 2,97 | C | 2,72 | C | 2,59 | D | 2,42 | D | 3,66 | A |
| **Tiểu học** | CBQL | 2,97 | C | 3,31 | B | 2,83 | C | 2,86 | C | 3,63 | A |
| GV | 3,18 | B | 2,93 | C | 2,78 | C | 2,75 | C | 3,62 | A |
| **Mầm non** | CBQL | 2,94 | C | 3,28 | B | 2,76 | C | 3,09 | B | 3,67 | A |
| GV | 2,91 | C | 2,98 | C | 2,5 | D | 2,73 | C | 3,63 | A |
| *Ghi chú:  - Nhóm câu hỏi 1 - 4: A: Tốt; B: Khá; C: Bình thường; D: Hạn chế - Nhóm câu hỏi 5: A: Rất mong muốn; B: Mong muốn; C: Bình thường; D: Ít mong muốn* | | | | | | | | | | |

\* Về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục biển, đảo

- *Nội dung giáo dục biển, đảo* được Đảng và Nhà Nước hướng dẫn, chỉ đạo xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, các vấn đề cần lưu ý trong thông tin, tuyên truyền về biển, đảo (nội dung tuyên truyền bám sát quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển, đảo; làm rõ quyền, lợi ích, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các hoạt động liên quan đến biển, đảo Việt Nam).

Nội dung giáo dục về biển đảo nói chung và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nói riêng được đề cập ở nhiều bài học trong sách giáo khoa hiện hành của một số môn học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông, đặc biệt là các môn khoa học xã hội.

Trong nội dung giáo dục địa phương, hầu hết tỉnh ven biển (28 tỉnh) đã biên soạn được nội dung địa phương về vị trị địa lý, lịch sử, phát triển kinh tế; tiềm năng, hiện trạng phát triển kinh tế vùng biển đảo và cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của tỉnh nhà, chú trọng nhiều đến quá trình hình thành và phát triển của tỉnh, lịch sử đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, hải đảo. Các địa phương đã tiến hành tập huấn và giảng dạy những tài liệu này. Ngoài ra, nhiều cơ sở giáo dục cũng đã kết hợp với hoạt động ngoại khóa để giáo dục chủ quyền biển đảo, lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo quê hương như Quảng Ninh, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu...

Ngành giáo dục thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, định hướng tuyên truyền trong bối cảnh tình hình cụ thể, khi có phức tạp nảy sinh trên biển, đảo và ở Biển Đông.

- *P*hương pháp, hình thức tổ chức tuyên truyền, giáo dục khá đa dạng, phong phú; kết hợp chặt chẽ giữa tiến hành thường xuyên (dạy học tích hợp trong giờ lên lớp) với tuyên truyền theo chuyên đề, sự kiện, phù hợp với từng thời điểm và sát với đối tượng được tuyên truyền, giáo dục (hoạt động ngoại khóa, tuần lễ biển, hải đảo, phong trào hưởng ngày đại dương…).

\* Những thách thức cần giải quyết để nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục, tuyên truyền về TN,MT biển, đảo, các quyền và lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông trong ngành giáo dục, tập trung chủ yếu vào các mặt như: Tính thường xuyên về thời gian giáo dục; Tính kế thừa của nội dung giáo dục qua các bậc học; Kỹ năng sư phạm thể hiện qua phương pháp, hình thức tổ chức, sử dụng các phương tiện phục vụ tuyên truyền, giáo dục biển đảo trong nhà trường (nội, ngoại khóa); Mức độ huy động sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và các cấp chính quyền ở địa bàn nơi có nhà trường. Có thể nêu ra một số vấn đề cụ thể như sau:

(i) Nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục tuyên truyền biển, đảo của một số cán bộ, giáo viên chưa cao, nhiều khái niệm liên quan đến biển, đảo chưa được hiểu chính xác, đầy đủ, việc cập nhật thông tin về biển đảo chưa được ưu tiên chú trọng.

(ii) Hoạt động tích hợp giáo dục trong giờ học chính khóa, giáo dục ngoài lớp còn thiếu khoa học thể hiện ở các điểm sau:

+ Về nội dung giáo dục: Chưa được hệ thống hóa, sắp xếp đầy đủ, hợp lí nên tình trạng trùng lặp hoặc thiếu nội dung cần giáo dục nên người học dễ nhàm chán/mất cơ hội tiếp cận thông tin. Ví dụ: Vấn đề ô nhiễm môi trường biển, hải đảo, du lịch biển có tần suất tích hợp giáo dục theo môn và theo các bài/mục rất cao, tuy nhiên một số vấn đề khác như hoạt động kinh tế biển, tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở vùng biển Việt Nam lại có tần suất tích hợp rất thấp, thậm chí bằng không trong một số trường thuộc các bậc học;

+ Nội dung tích hợp chưa được triển khai theo hướng kế thừa, phát triển dần theo từng độ tuổi, cấp học, chuyên ngành học nên khó tạo hứng thú cho người học khi tiếp cận vấn đề; chưa phát triển theo dạng chủ đề với đầy đủ các vấn đề từ thấp đến cao, từ ít đến nhiều, từ đơn giản đến phức tạp. Ví dụ: Tìm hiểu về các huyện đảo: Tên gọi, vị trí địa lí, tổ chức hành chính => địa hình, khí hậu, thế mạnh tự nhiên nổi bật => hoạt động khai thác sử dụng, quá trình bảo vệ chủ quyền => các thách thức về tự nhiên, kinh tế - xã hội => suy ngẫm và ý tưởng giải pháp phát triển huyện đảo và các vấn đề cấp bách cần giải quyết [4], [5]…

+ Việc thực hiện tích hợp còn phụ thuộc nhiều vào ý thức tự giác của giáo viên, chưa trở thành nhiệm vụ thường xuyên đôi khi còn mang tính phong trào, đối phó.

+ Kỹ năng giáo dục biển, đảo của nhiều giáo viên còn hạn chế, tính sáng tạo trong phương tiện giáo dục chưa được phát huy nên việc hình thành một số biểu tượng, khái niệm, hiểu biết về biển, đảo, quyền và lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông đối với người học còn thiếu sinh động, thiếu hấp dẫn. Ví dụ: Tình trạng lạm dụng các video giới thiệu cảnh đẹp biển đảo gây tình trạng hiểu biết phiến diện về biển đảo cho học sinh.

+ Nhận thức và thực hiện tuyên truyền về biển đảo của nhiều sinh viên, học sinh còn hạn chế. Hầu hết các em đều thụ động tiếp nhận và làm theo sự hướng dẫn của giáo viên qua các cuộc thi, đợt dã ngoại, tuần hành… mà chưa có sự chủ động tìm hiểu, khám phá, nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

+ Tài liệu biên soạn giáo dục biển, đảo chưa được ban hành với các tiêu chuẩn như sách giáo khoa nên dễ xảy ra các tranh luận về nội dung giáo dục biển, đảo. Các hướng dẫn về phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục chưa thật sự đầy đủ, nặng về hướng dẫn, gợi ý chung chung. Phần lớn nguyện vọng của giáo viên, cán bộ đều tập trung vào vấn đề: Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn giáo dục biển đảo cho từng cấp học, môn học đã được thẩm định, thống nhất trên cả nước bảo đảm các yêu cầu về phương tiện dạy học: Khoa học, kỹ thuật, sư phạm và kinh tế. Đây là căn cứ pháp lí tạo cơ hội cho giáo viên, cán bộ quản lí, học sinh vận dụng các kỹ năng sư phạm một cách sáng tạo vào giáo dục biển đảo nhưng không đi chệch hướng.

(iii) Các hình thức giáo dục ngoài nhà trường, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo chưa phát huy hết hiệu quả trong giáo dục biển, đảo. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục biển, đảo còn mang tính hình thức.

(iv) Sự phối hợp giáo dục biển đảo giữa nhà trường các cấp trong một địa phương chưa được chú trọng đúng mức nên gây lãng phí về thời gian giáo dục, thiếu hụt về nội dung giáo dục.

Các nhận định kể trên khá phù hợp với các ý kiến đề xuất của giáo viên đã được điều tra (bảng 3).

*Bảng 3. Ý kiến của cán bộ, giáo viên về một số vấn đề cần đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục TN, MT biển đảo và quyền, lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông trong ngành giáo dục*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Vấn đề cần đầu tư** | **% đồng**  **ý** | **Thứ tự ưu tiên** |
| 1 | Tài liệu chính thức phục vụ công tác giáo dục biển đảo được thẩm định bởi các cấp có chức năng | 92,5 | 1 |
| 2 | Ban hành thời lượng cụ thể trong chương trình dạy học dành cho giáo dục biển đảo | 87,2 | 4 |
| 3 | Cẩm nang hướng dẫn các phương pháp, hình thức tổ chức để giáo dục biển đảo | 73,8 | 2 |
| 4 | Xây dựng nội dung giáo dục với mức độ khác nhau theo từng bậc học | 90 | 3 |
| 5 | Các Sở giáo dục đào tạo ban hành kế hoạch giáo dục biển đảo | 87 | 5 |
| 6 | Sự hợp tác chặt chẽ với địa phương, gia đình để bảo đảm tính liên tục, mọi nơi, mọi lúc của công tác giáo dục tuyên truyền. | 95 | 6 |

**4. KẾT LUẬN**

Giáo dục biển đảo là yêu cầu trọng yếu trong chiến lược đào tạo con người Việt Nam, ngành giáo dục đảm trách nhiệm vụ này do tính chất đặc trưng của ngành. Bằng công cụ điều tra có độ tin cậy cao, phương pháp xử lí tư liệu có sai số thấp, đã cung cấp một số nhận định về công tác giáo dục tuyên truyền vể TN, MT biển, đảo và quyền lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông trong ngành giáo dục. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả giáo dục cần đầu tư các vấn đề sau: (i) Xây dựng nội dung giáo dục phát triển qua các bậc học theo nguyên tắc đồng tâm; (ii) Sự phối hợp để xác định nội dung giáo dục giữa các môn học trong nhà trường để tránh trùng lặp, thiếu thống nhất, gây nhàm chán cho người học; (iii) Tăng cường kỹ năng sư phạm trong tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên, cán bộ quản lý; (iv) Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và (v) Khả năng thực hiện giáo dục ở mọi nơi: nhà trường - gia đình - xã hội thông qua sự kết hợp giữa các bộ phận cấu thành xã hội này.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định số 1461/QĐ - BGDĐT “Xây dựng và thực hiện Đề án tăng cường công tác giáo dục về TN và MT biển hải đảo vào chương trình giáo dục các cấp học và các chương trình đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân 2010-2015”
2. Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 09 tháng 02 năm 2007 “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”.
3. Nguyễn Hoàng Sơn và nnk (2015), *Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao nhận thức môi trường và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên cho cộng đồng dân cư vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Đại học Huế, mã số DHH2015 - 03 - 78.
4. Nguyễn Hoàng Sơn (2019), Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền về tài nguyên, môi trường biển, đảo và các quyền, lợi ích của Việt Nam tại Biển Đông trong ngành giáo dục, Nhiệm vụ chuyên môn cấp Bộ về giáo dục tài nguyên môi trường biển, hải đảo, Mã số: B2018-DHH-BD-01
5. Thủ tướng Chính phủ số: 373/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2010, Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam”
6. Nguyễn Đức Vũ (2011), *Dạy học về Biển - đảo trong chương trình Địa lí Việt Nam ở lớp 12 theo chuẩn kiến thức, kĩ năng*, Giáo dục Đào tạo Thừa Thiên Huế, tháng 9/2011.
7. Nguyễn Đức Vũ (*Chủ biên),* Trần Thị Tuyết Mai (2014). *Giáo dục về biển - đảo Việt Nam (Tài liệu tham khảo dành cho học sinh và giáo viên Tiểu học),* Nhà xuất bản Giáo dục.

1. Tác giả liên hệ - ĐT: 0914204003

   Email: nhsonsp@hueuni.edu.vn [↑](#footnote-ref-1)